

Bản án số: 168/2024/HS-ST
Ngày 21-8-2024

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Quang Trung

Thẩm phán: Ông Phạm Hữu Trường

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Mai Vinh

Ông Nguyễn Nam Tuấn

Bà Nguyễn Thị Hồng Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tươi - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phúc Tới - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 154/2024/TLST-HS ngày 19 tháng 7 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 165/2024/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 8 năm 2024 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 316/TB-TA ngày 16 tháng 8 năm 2024 đối với bị cáo:

Hoàng Thị Thu N, sinh năm 1997, tại Hải Phòng; Nơi cư trú: Số G M, tổ dân phố M, phường Đ, quận K, thành phố Hải Phòng; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Hoàng Văn V và bà Phạm Thị T (đã chết); Có chồng là Lê Q (đã ly hôn), có 03 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2020; tiền sự: ngày 08/8/2023, Công an quận H, thành phố Hải Phòng xử phạt 5.500.000 đồng về hành vi Cố ý gây thương tích, cung cấp tài liệu sai sự thật cản trở hoạt động xác minh thu thập chứng cứ trong quá trình giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm; tiền án: không; bị bắt tạm giam từ ngày 13/12/2023; có mặt;

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Trần Ngọc Q1 - Luật sư Văn phòng L3, thuộc Đoàn luật sư thành phố H; có mặt;

- Bị hại:

+ Anh Trần Hoàng P, sinh năm 1994, nơi ĐHKHKT: Số H T, L, Hải Phòng; nơi ở hiện nay: BD02-4 khu đô thị P, A, Hải Phòng; có mặt;

+ Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1959, nơi cư trú: Số A tiểu khu C, N, K, Hải Phòng; có mặt;

+ Chị Vũ Thị Thanh H, sinh năm 1997, nơi cư trú: Số A T, A, L, Hải Phòng; có mặt.

- *Người làm chứng*: Chị Nguyễn Thanh T1, anh Đỗ Thăng L, chị Trần Thị Tường V1; chị V1 có mặt; chị T1 và anh L đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu năm 2021, Hoàng Thị Thu N quen biết với anh Đỗ Thăng L là Tổng giám đốc Công ty Cổ phần T2 và bà Trần Thị Tường V1, sinh năm: 1972, nơi cư trú: BD2 – 04 Khu đô thị P, A, A, Hải Phòng. Khi được bà V1 mời đến nhà chơi thì N tự giới thiệu anh L là Hoàng Thăng L1, bố đẻ của N và là con đẻ ông Hoàng Văn K1 (nguyên Phó chủ tịch U), mẹ đẻ N là Dương Thị Thùy L2 hiện đang làm luật sư và sinh sống tại thành phố Hồ Chí Minh. Nguyệt cũng tự giới thiệu bản thân sinh năm 1992, hiện là giám đốc Công ty Cổ phần T2, đang sinh sống ở Hà Nội. Trong quá trình quen biết với bà V1 thì N phát sinh quan hệ tình cảm với anh Trần Hoàng P, là con trai bà V1. Khoảng tháng 11/2022, khi biết gia đình anh P bán nhà, có tài sản nên N nảy sinh ý định chiếm đoạt. N đưa ra thông tin không có thật về việc anh L1 có hứa hẹn mua cho N, P một căn nhà tại khu đô thị V, Hồ N, Hải Phòng, đề nghị P chung tiền mua nhà và hoàn thiện nội thất. Để cho P tin tưởng, N lên mạng xã hội Facebook thuê 01 sim số điện thoại 0964.689.999 (có đuôi giống đuôi số điện thoại của anh L1) của người không rõ lai lịch, tự tạo tài khoản Zalo đặt tên hiển thị là “Thăng Long”, sử dụng hình ảnh anh L1 làm hình đại diện, kết bạn Zalo với P, giả mạo anh L1 nhắn tin cho P với nội dung sẽ mua cho N và P 01 căn nhà tại V. Ngày 20/12/2022, N thuê căn nhà số B venice A Khu đô thị V, Hồ N, Hải Phòng của ông Hồ Quang M với giá 35.000.000 đồng/tháng. Sau khi thuê nhà xong, N chụp ảnh căn nhà gửi cho anh P nói là anh L1 đã mua cho cả hai người căn nhà này và bảo P chuyển cho N 175.000.000 đồng làm nội thất căn nhà. Khi anh P yêu cầu N đưa Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của căn nhà trên thì N lên mạng xã hội đặt làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất giả mang tên Trần Hoàng P. Tuy nhiên, khi nhận được Giấy chứng nhận quyền sử dụng giả thấy không giống nên N chụp phần thông tin Giấy chứng nhận quyền sử dụng của căn nhà tại số B venice A Khu đô thị V, Hồ N, Hải Phòng (khi thuê nhà anh M đã cung cấp cho N) gửi cùng

hình ảnh trang đầu Giấy chứng nhận quyền sử dụng giả có tên Trần Hoàng P đến tài khoản zalo của P. Sau khi tạo được lòng tin về việc góp tiền mua căn nhà trên, N đã yêu cầu và anh P nhiều lần chuyển tiền cho N với tổng số tiền là 1.546.000.000 đồng. Trong quá trình này, N đã chuyển lại cho anh P số tiền 110.000.000 đồng, còn chiếm đoạt của anh P 1.436.000.000 đồng.

Tháng 5/2023, N thuê bà Nguyễn Thị K, sinh năm: 1959, nơi thường trú: Số A Tiểu khu C, N, K, Hải Phòng làm giúp việc cho N tại căn hộ S venice A Khu đô thị V. Trong quá trình bà K làm giúp việc, bà K đưa cho N 02 bộ hồ sơ đất để nhờ N làm hộ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau khi xem hồ sơ, lợi dụng là hàng xóm với ông Trần Văn P1 - Giám đốc Sở T3 nên N đã giới thiệu là chỗ quen biết, hứa hẹn có thể làm được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà K. Bà K nhờ con gái là chị Nguyễn Thanh T1 trực tiếp giao dịch với N. Sáng ngày 30/5/2023, N hẹn chị T1 mang theo 70.000.000 đồng đến trụ sở Sở T3 nói là để đưa cho ông P1. Tại trụ sở Sở T3, chị T1 đưa cho N 70.000.000 đồng rồi ra về còn N cầm số tiền này đi vào phòng làm việc của ông P1 nhưng không gặp. N gọi điện thoại cho ông P1 và được cho số điện thoại ông Nguyễn Ngọc H1 - Giám đốc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện K để làm việc. Mặc dù không gặp, không đưa tiền cho ông P1, nhưng N vẫn gọi điện báo cho chị T1 với nội dung đã gặp và đưa tiền cho ông P1. Đến sáng ngày 02/6/2023, N và chị T1 đến gặp ông H1 và được dẫn sang gặp ông Đỗ Thái Q2 - Phó Trưởng phòng Tài Nguyên và Môi Trường UBND huyện K. Tại phòng làm việc của ông Q2, N và chị T1 được nghe thông báo, giải thích về việc thửa đất trên không đủ điều kiện để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau đó, N gọi điện thoại cho ông P1 và được thông báo là khu đất này thuộc diện thanh lý thu hồi của UBND thành phố nên không cấp được giấy chứng nhận, tuy nhiên N vẫn nói với chị T1 là ông P1 đồng ý giúp làm được và phải đưa thêm tiền. Sáng ngày 06/6/2023, chị T1 đưa cho N 300.000.000 đồng theo yêu cầu của N. N không giao số tiền trên cho ông P1 nhưng tự giả mạo tin nhắn điện thoại với nội dung ông P1 trao đổi để làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cả thửa đất cho dễ ký, rồi chụp ảnh màn hình gửi cho chị T1 để yêu cầu chị T1 chuyển tiếp số tiền 200.000.000 đồng. Đến chiều ngày 11/6/2023, chị T1 đến gặp và giao cho N 200.000.000 đồng. Tổng số tiền N đã nhận và chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị K là 570.000.000 đồng.

Tháng 5/2023, N biết chị Vũ Thị Thanh H, sinh năm: 1997, nơi thường trú: Số A T, A, L, Hải Phòng bị các đối tượng sử dụng mạng xã hội lừa đảo chiếm đoạt số tiền 177.000.000 đồng, nên N nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tiền của H. N nói với chị H là mình có quan hệ thân thiết với lãnh đạo Phòng An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao, có thể giúp H lấy lại tiền đã bị lừa đảo. Ngày 15/5/2023, N lấy lý do phải chi tiền cho lãnh đạo Cơ quan Công an để chỉ đạo lấy lại số tiền chị H bị lừa, yêu cầu chị H chuyển khoản 30.000.000 đồng.

Đến ngày 17/5/2023, N tiếp tục lấy lý do cần phải tiếp tục chi cho Cơ quan Công an yêu cầu chị H chuyển tiếp số tiền 10.000.000 đồng cho N. Tổng số tiền 40.000.000 đồng nhận của chị H, N sử dụng cá nhân hết.

Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an thành phố H đã thu giữ: 01 Hợp đồng thuê nhà ngày 20/12/2022 tại số nhà A V, khu I, Hải Phòng; 01 Bản cam kết nhận tiền đề ngày 24/6/2023 của Hoàng Thị Thu N do bà Nguyễn Thị K giao nộp để tiến hành trưng cầu giám định.

- Kết luận giám định số 239/KL-KTHS ngày 23 tháng 10 năm 2023 của Phòng K2 Công an thành phố H kết luận: Chữ ký, chữ viết mang tên Hoàng Thị Thu N trên các mẫu cần giám định (hợp đồng thuê nhà) so với chữ ký, chữ viết của người mang tên Hoàng Thị Thu N trên các mẫu so sánh là do cùng một người ký, viết ra.

- Kết luận giám định số 1204/KL-KTHS ngày 31 tháng 5 năm 2023 của Phòng K2 Công an thành phố H kết luận: Chữ ký, chữ viết trên mẫu cần giám định (bản cam kết nhận tiền với bà K) so với chữ ký, chữ viết của người mang tên Hoàng Thị Thu N trên mẫu so sánh là do một người ký và viết ra.

Tại Cơ quan điều tra, Hoàng Thị Thu N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nêu trên. Lời khai của N phù hợp với lời khai của những người bị hại, lời khai những người làm chứng, cùng các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Vật chứng: không.

Về dân sự: Anh Trần Hoàng P yêu cầu Hoàng Thị Thu N hoàn trả lại số tiền 1.696.000.000 đồng, bao gồm: 1.546.000.000 đồng đã chuyển cho N và 150.000.000 đồng là tiền anh P đã bỏ ra để lắp camera, sửa chữa hồ cá tại căn nhà số B venice A, khu đô thị V, T, Hồ N, Hải Phòng.

- Gia đình Hoàng Thị Thu N đã trả lại cho bà Nguyễn Thị K 50.000.000 đồng, bà K yêu cầu N tiếp tục hoàn trả lại số tiền 520.000.000 đồng.

- Chị Vũ Thị Thanh H yêu cầu Hoàng Thị Thu N hoàn trả lại số tiền 40.000.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 162/CT-VKSHP-P3 ngày 18/7/2024 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng truy tố bị cáo Hoàng Thị Thu N bị truy tố về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo Hoàng Thị Thu N khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng đã truy tố và đề nghị Tòa án xem xét, xử mức án nhẹ để sớm trở về với gia đình.

Các bị hại vẫn giữ nguyên yêu cầu buộc bị cáo phải hoàn trả số tiền đã chiếm đoạt và đề nghị áp dụng thêm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "phạm tội có tính chất chuyên nghiệp"; "dùng thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt" và "phạm tội đối với người phụ thuộc" để xử lý nghiêm đối với bị cáo.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng:

Căn cứ lời khai nhận tội của bị cáo, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm n, s, b khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt Hoàng Thị Thu N mức án từ 13 đến 14 năm tù về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản;

Buộc bị cáo phải bồi thường cho các bị hại số tiền đã chiếm đoạt. Không chấp nhận yêu cầu hoàn trả số tiền 150.000.000 đồng anh P đã bỏ ra để sửa chữa căn nhà số B venice A, khu đô thị V, T, Hồ N, Hải Phòng

Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Hoàng Thị Thu N: Về tội danh và điều luật áp dụng hoàn toàn nhất trí với quan điểm truy tố của Đại diện Viện kiểm sát. Về tình tiết giảm nhẹ, đề nghị xem xét đến hoàn cảnh của bị cáo để quyết định mức hình phạt thấp hơn mức hình phạt đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về tội danh và tình tiết định khung:* Lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở khẳng định: Do cần tiền để chi tiêu cá nhân nên từ tháng 11/2022 đến tháng 5/2023, Hoàng Thị Thu N đã dùng thủ đoạn gian dối, đưa ra các thông tin không có thật, thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt của anh Trần Hoàng P 1.436.000.000 đồng, của bà Nguyễn Thị K 570.000.000 đồng và của chị Vũ Thị Thanh H 40.000.000 đồng. Tổng số tiền N đã chiếm đoạt là 2.046.000.000 đồng. Như vậy, có đủ căn cứ kết luận hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa

đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Tính chất vụ án là đặc biệt nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác và gây mất trật tự trị an chung. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo với mức án nghiêm khắc để giáo dục cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[4] *Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "phạm tội 02 lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Đối với đề nghị áp dụng thêm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của các bị hại, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo chiếm đoạt tài sản của 3 người và không phải lấy việc phạm tội để làm nguồn sống chính nên không có tính chất chuyên nghiệp; thủ đoạn gian dối của bị cáo khá giản đơn nên không coi là có thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt và quan hệ giữa bị cáo và bà K chỉ là quan hệ lao động bình thường, bà K không bị lệ thuộc đối với bị cáo do đó không có căn cứ chấp nhận đề nghị của các bị hại.

[5] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Trong quá trình điều tra, truy tố xét xử, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và gia đình bị cáo đã khắc phục một phần hậu quả cho người bị hại, khi phạm tội bị cáo đang có thai nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm n, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử sẽ xem xét khi quyết định hình phạt.

[6] *Về hình phạt:* Khi quyết định hình phạt cần căn cứ tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có nhân thân xấu, phạm tội nhiều lần, chưa khắc phục hết hậu quả, do đó cần xử phạt bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc mới có tác dụng, giáo dục, trừng trị bị cáo và phòng ngừa chung.

[7] *Về trách nhiệm dân sự:* Bị cáo chưa bồi thường cho anh Trần Hoàng P 1.436.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị K 520.000.000 đồng và chị Vũ Thị Thanh H 40.000.000 đồng, bị cáo chấp nhận bồi thường số tiền này cho các bị hại nên cần buộc bị cáo phải bồi thường cho các bị hại số tiền trên. Đối với số tiền 150.000.000 đồng là tiền anh P đã bỏ ra để lắp camera, sửa chữa hồ cá tại căn nhà số B venice A, khu đô thị V, T, Hồ N, Hải Phòng. Đây là quan hệ dân sự nên HĐXX không xem xét giải quyết. Anh P có quyền khởi kiện để giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[8] *Về các vấn đề khác:* Trong vụ án này, anh Đỗ Thăng L không biết việc N mạo danh tài khoản Zalo của mình và đưa ra những thông tin không có thật về việc anh L hứa mua nhà cho P và N, không tham gia và không biết việc N thực hiện

hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên Cơ quan điều tra không xử lý. Đối với Dương Thị Thùy L2 đến nay vắng mặt tại nơi cư trú chưa triệu tập làm việc được. Tài liệu điều tra chưa có căn cứ xác định vai trò của L2 trong vụ án. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H tiếp tục xác minh làm rõ, khi đủ tài liệu, chứng cứ sẽ xử lý theo quy định của pháp luật. Đối với các chủ tài khoản Ngân hàng được N nhờ nhận tiền hộ từ nguồn tiền chiếm đoạt của anh P, bà K và chị H, tại thời điểm N nhờ nhận tiền không được N cho biết về nguồn gốc số tiền nhận hộ Nguyệt nên Cơ quan điều tra không xử lý. Đối với các tài liệu giả là Giấy chứng nhận quyền sử dụng căn hộ số 25 venice 14 Khu đô thị V, Hồ N, Hải Phòng, Hoàng Thị Thu N khai đã đặt làm giả trên mạng Internet, hiện không thu hồi được để trưng cầu giám định nên không đủ căn cứ xử lý. Đối với đối tượng nhận làm giả tài liệu cho N, tài liệu điều tra chưa xác định được nhân thân, lai lịch nên Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an thành phố H tiếp tục điều tra làm rõ để xử lý sau.

[9] *Về án phí*: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm n, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố bị cáo Hoàng Thị Thu N phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản "

Xử phạt bị cáo Hoàng Thị Thu N 14 (mười bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13/12/2023.

2. *Về phần dân sự*: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; khoản 1 Điều 584; các điều 585; 586 và khoản 1 Điều 589 Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Trần Hoàng P số tiền 1.436.000.000 đồng, bồi thường cho bà Nguyễn Thị K số tiền 520.000.000 đồng và bồi thường cho chị Vũ Thị Thanh H số tiền 40.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án

3. *Về án phí*: Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Căn cứ vào Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Hoàng Thị Thu N phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 71.880.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. *Về quyền kháng cáo:* Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Vụ 1 – TANDTC;
- TANDCC; VKSNDCC;
- VKSND TP Hải Phòng;
- PV06 Công an TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TPHP;
- Bị cáo; Trại tạm giam;
- Người tham gia tố tụng;
- Phòng KTNV và THA;
- Lưu: HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Quang Trung

